

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1986;

Số CCCD: 044086001893 cấp ngày 08/3/2018;

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã L, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1990;

Số CCCD: 040190011319 cấp ngày 05/12/2022;

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã L, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Minh T và chị Lê Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Anh Hoàng Minh T và chị Lê Thị N thống nhất, thoả thuận: vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Văn C, sinh ngày 28/9/2012, hiện con đang ở với anh T. Giao con Hoàng Văn C cho anh Hoàng Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị N không cấp

đường nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về chia tài sản và nợ chung*: Anh Hoàng Minh T và chị Lê Thị N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Hoàng Minh T và chị Lê Thị N mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Anh T1 thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho chị N. Số tiền án phí anh T1 phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0000453, ngày 17/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Trị. Anh T1 được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Trị;
- UBND xã Lệ Thủy;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Nam